MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập theo Quyết định số 1588/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển DNNN là Công ty Xây dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0300378152; Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 12 năm 2003, Số ĐKKD: 4103002004; Đăng ký thay đổi lần thứ 11 (mười một), ngày 24 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Mỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch
Ông Trần Chính Diệp	Ủy viên
Ông Lê Hữu Hòe	Ủy viên
Bà Phạm Thị Kim Xuân	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Hoan	Trưởng ban
Ông Trần Thái Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Bảo Thanh Vân	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quang Mỹ	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hòe	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Chính Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Từ	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

CPA VIETNAM

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội.

Tel: +84 (4) 3 783 2121
Fax: +84 (4) 3 783 2122
Email: info@cpavietnam.vn
Website: www.cpavietnam.vn

Số. 174 /2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5

Kính gửi **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập được kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

M.S.D.N - 0101505310 - C.T.H.D - CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009/KTV

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2011

An independent firm, in association with Moore Stephens International Limited, members in principal cities throughout the world

MẪU B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.808.395.718.072**	**1.275.696.403.214**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**263.223.818.088**	**89.654.358.052**
1. Tiền	111		116.215.745.399	56.450.323.916
2. Các khoản tương đương tiền	112		147.008.072.689	33.204.034.136
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**285.801.160.188**	**186.357.929.387**
1. Phải thu khách hàng	131		188.017.074.408	118.874.008.119
2. Trả trước cho người bán	132		52.703.209.495	62.254.389.718
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	45.080.876.285	5.229.531.550
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.200.170.077.105**	**963.196.818.497**
1. Hàng tồn kho	141	5.3	1.200.170.077.105	963.196.818.497
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**59.200.662.691**	**36.487.297.278**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.340.837.952	2.266.263.151
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		695.094.903	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	54.164.729.836	34.221.034.127
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**137.282.316.956**	**142.026.003.405**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**57.256.220.997**	**46.332.654.276**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	56.584.989.110	45.590.753.885
Nguyên giá	*222*		*73.212.544.200*	*58.792.129.689*
Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(16.627.555.090)*	*(13.201.375.804)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	671.231.887	741.900.391
Nguyên giá	228		*880.780.250*	*880.780.250*
Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(209.548.363)*	*(138.879.859)*
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**74.991.145.410**	**92.216.170.110**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	44.655.300.000	44.655.300.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	39.310.537.098	52.948.822.418
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.974.691.688)	(5.387.952.308)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.034.950.549**	**3.477.179.019**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	5.001.526.539	3.373.020.536
3. Tài sản dài hạn khác	268		33.424.010	104.158.483
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.945.678.035.028**	**1.417.722.406.619**

MẪU B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.644.786.749.254**	**1.176.417.478.177**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.241.025.340.051**	**1.062.164.179.948**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	448.868.438.355	400.681.787.933
2. Phải trả người bán	312		214.482.361.255	99.259.539.047
3. Người mua trả tiền trước	313		486.303.236.788	453.134.929.606
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	10.304.282.055	30.656.407.255
5. Phải trả người lao động	315		7.671.770.925	4.416.687.190
6. Chi phí phải trả	316		10.233.775.397	340.750.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	56.525.242.152	67.243.128.844
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.636.233.124	6.430.950.073
II. Nợ dài hạn	**330**		**403.761.409.203**	**114.253.298.229**
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	258.913.067.810	58.986.924.972
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	143.882.193.975	54.537.623.832
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		966.147.418	728.749.425
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**294.469.310.556**	**235.401.806.328**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.15**	**294.469.310.556**	**235.401.806.328**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113.520.000.000	103.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		65.389.499.612	35.689.499.612
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.710.000)	(70.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.858.099	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		44.322.779.298	31.899.515.784
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.650.529.641	6.813.801.590
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.632.353.906	36.849.059.342
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		**6.421.975.218**	**5.903.122.114**
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.945.678.035.028**	**1.417.722.406.619**

Trần Quang Mỹ	**Phan Chí Hiếu**	**Hồ Hồng Nhân**
Tổng Giám đốc	**Người lập biểu**	**Kế toán trưởng**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

MẪU B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**5.16**	**1.236.268.211.004**	**1.140.746.786.809**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**5.16**	**1.236.268.211.004**	**1.140.746.786.809**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**5.17**	**1.143.814.571.003**	**1.077.053.829.455**
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**92.453.640.001**	**63.692.957.354**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	14.605.654.192	4.800.183.712
7. Chi phí tài chính	22	5.19	43.168.342.589	10.494.080.712
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*36.215.002.447*	*6.157.986.305*
8. Chi phí bán hàng	24		317.214.073	2.161.403.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.146.859.170	6.035.514.586
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**57.426.878.361**	**49.802.141.969**
11. Thu nhập khác	31		971.747.295	812.079.474
12. Chi phí khác	32		1.828.873.411	592.071.915
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(857.126.116)**	**220.007.559**
14. Lợi nhuận/lỗ liên doanh, liên kết	**45**		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**56.569.752.245**	**50.022.149.528**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14.067.835.128	12.411.084.314
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**42.501.917.117**	**37.611.065.214**
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		**925.082.121**	**746.136.850**
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	**70**		**41.576.834.996**	**36.864.928.364**
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**80**	**5.20**	**3.862**	**3.572**

Trần Quang Mỹ	**Phan Chí Hiếu**	**Hồ Hồng Nhân**
Tổng Giám đốc	**Người lập biểu**	**Kế toán trưởng**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

MẪU B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. ***Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:***			
1. **Lợi nhuận trước thuế**	01	**56.569.752.245**	**50.022.149.528**
2. *Điều chỉnh cho các khoản:*			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.925.991.589	4.185.679.648
Các khoản dự phòng	03	5.100.611.582	(1.455.969.675)
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	116.869.889
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.264.073.714)	(1.952.784.020)
Chi phí lãi vay	06	36.215.002.447	6.157.986.305
3. **Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ**	08	**88.547.284.149**	**57.073.931.675**
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(82.115.219.327)	4.541.668.344
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(205.279.348.750)	(123.214.891.324)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	306.328.346.067	(61.212.731.525)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(3.703.080.804)	(334.274.703)
Tiền lãi vay đã trả	13	(72.618.722.419)	(42.271.055.605)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.181.685.541)	(1.165.205.084)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.539.231.154	2.056.182.121
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.469.072.758)	(1.750.161.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**7.047.731.771**	**(166.276.537.484)**
II. ***Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:***			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(15.187.416.201)	(754.416.775)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	337.857.891	512.830.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(21.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	-	21.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.316.413.756)	(51.642.266.800)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.003.922.800	22.386.331.036
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.476.755.399	4.241.707.878
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**10.314.706.133**	**(25.255.814.661)**
III. ***Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:***			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	40.195.328.556	33.875.499.612
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(1.640.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	946.673.147.024	1.002.673.989.057
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(809.141.926.459)	(801.400.586.160)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.523.745.088)	(20.639.986.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	**156.201.164.033**	**214.508.916.509**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**173.563.601.937**	**22.976.564.364**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	89.654.358.052	66.677.614.799
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.858.099	178.889
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**263.223.818.088**	**89.654.358.052**

Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc

Phan Chí Hiếu
Người lập biểu

Hồ Hồng Nhân
Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập theo Quyết định số 1588/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển DNNN là Công ty Xây dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0300378152; Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 12 năm 2003, Số ĐKKD: 4103002004; Đăng ký thay đổi lần thứ 11 (mười một), ngày 24 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ cấu tổ chức

Các công ty con	Tỷ lệ vốn
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Xuất nhập khẩu Mỹ Phước	30,00%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng và lắp đặt các công trình điện, nước. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 35 KV. Thi công lắp đặt hệ thống thiết bị cơ điện lạnh. Lắp đặt và tháo dỡ các loại cẩu trục và thiết bị nâng hạ. Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng (không sản xuất trong khu dân cư tập trung). Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Cho thuê mặt bằng; máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Thi công khoan cọc nhồi; đóng, ép cọc bê-tông cốt thép (không hoạt động tại trụ sở). Đo đạc bản đồ. Xây dựng: cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, thuỷ lợi. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Dịch vụ giữ xe. Cho thuê nhà, văn phòng. Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản.

- Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn môi trường. Sản xuất, gia công, mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Lắp đặt công trình xử lý nước thải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình cấp thoát nước và trạm cấp nước. Mua bán vật tư ngành nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Xuất nhập khẩu Mỹ Phước.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính được dùng để hợp nhất bao gồm: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty mẹ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5; các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty con đã nêu tại thuyết minh số 6.1.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Đối với các công trình xây dựng

Các công trình xây dựng là các chung cư do Công ty mẹ đầu tư xây dựng để bán hoặc các công trình do Công ty đầu tư xây dựng cùng với các đối tác khác để bán được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc các công trình xây dựng bao gồm các chi phí để có được quyền sử dụng đất, chi phí trả cho các nhà thầu xây dựng, chi phí thiết kế, giám sát và các chi phí cần thiết khác để có được công trình sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Khi doanh thu của các công trình xây dựng được tạm ghi nhận từng phần trong năm, giá vốn của các công trình được ước tính theo tỷ suất lợi nhuận của từng dự án do Công ty xác định trong từng năm. Do thời gian đầu tư của từng công trình kéo dài, chi phí thực tế thường có xu hướng tăng cao hơn so với chi phí dự toán ban đầu nên việc ghi nhận giá vốn tương ứng với doanh thu đã được ghi nhận trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng số chi phí thực tế cần đầu tư để có được số doanh thu đã ghi nhận. Tổng số giá vốn của công trình xây dựng sẽ được xác định chính thức khi công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng và đã có quyết toán chi phí đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết, Góp vốn liên doanh

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các công ty liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tuỳ thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	5.262.540.893	9.525.793.066
Tiền gửi Ngân hàng	110.953.204.506	46.924.530.850
Các khoản tương đương tiền	147.008.072.689	33.204.034.136
Tổng	**263.223.818.088**	**89.654.358.052**

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu khác	45.080.876.285	5.229.531.550
Tổng	**45.080.876.285**	**5.229.531.550**

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.938.661.135	416.707.271
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.182.189.847.895	962.736.635.266
Hàng hoá	41.568.075	43.475.960
Tổng	**1.200.170.077.105**	**963.196.818.497**

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	49.568.372.945	33.128.337.307
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.596.356.891	1.092.696.820
Tổng	**54.164.729.836**	**34.221.034.127**

5.5 Tài sản cố định

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc,thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01	**42.990.949.985**	**8.492.101.427**	**5.768.988.955**	**1.540.089.322**	**58.792.129.689**
Tăng trong năm	**14.175.799.443**	**857.582.667**	**-**	**154.034.091**	**15.187.416.201**
Mua trong năm	-	857.582.667	-	154.034.091	1.011.616.758
Tăng khác	14.175.799.443	-	-	-	14.175.799.443
Giảm trong năm	**-**	**333.975.500**	**413.826.190**	**19.200.000**	**767.001.690**
Thanh lý	-	333.975.500	413.826.190	19.200.000	767.001.690
Tại ngày 31/12	**57.166.749.428**	**9.015.708.594**	**5.355.162.765**	**1.674.923.413**	**73.212.544.200**
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01	**2.912.772.828**	**6.289.578.642**	**2.989.508.236**	**1.009.516.098**	**13.201.375.804**
Tăng trong năm	**1.859.754.506**	**999.353.912**	**797.732.342**	**198.482.325**	**3.855.323.085**
Do trích khấu hao	1.859.754.506	999.353.912	797.732.342	198.482.325	4.085.631.731
Giảm trong năm	**-**	**237.150.336**	**186.553.463**	**5.440.000**	**429.143.799**
Thanh lý	-	237.150.336	186.553.463	5.440.000	429.143.799
Tại ngày 31/12	**4.772.527.334**	**7.051.782.218**	**3.600.687.115**	**1.202.558.423**	**16.627.555.090**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01	**40.078.177.157**	**2.202.522.785**	**2.779.480.719**	**530.573.224**	**45.590.753.885**
Tại ngày 31/12	**52.394.222.094**	**1.963.926.376**	**1.754.475.650**	**472.364.990**	**56.584.989.110**

5.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm..

5.7 Đầu tư liên doanh, liên kết

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ Phần Xây dựng & KDVT (An Phúc)	44.655.300.000	44.655.300.000
Tổng	**44.655.300.000**	**44.655.300.000**

Thông tin bổ sung

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 75/2009/HĐHT ký ngày 10/11/2009 giữa Công ty Cổ Phần XD & KD Vật tư và Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5; Dưới hình thức: Góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phúc với diện tích khu đất là 17.250 m2 tại Phường 16 - Quận 8 - Tp. Hồ Chí Minh.

5.8 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư dài hạn (Góp vốn):	**13.269.461.000**	**13.269.461.000**
- Dự án BOT cầu Đồng Nai	2.400.000.000	2.400.000.000
- Công ty CP ĐT KCN Dầu khí IDICO - Long Sơn	4.800.000.000	4.800.000.000
- Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	6.069.461.000	6.069.461.000
Đầu tư cổ phiếu niêm yết:	**16.301.231.988**	**29.939.517.308**
- Công ty CP ĐT Xây dựng Bình Chánh (BCI)	13.109.107.429	16.661.181.400
- Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	169.156.859	310.120.908
- Công ty CP Chứng khoán phố Wall (WSS)	-	9.200.000.000
- Công ty CP PT Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex - IJC)	2.262.526.500	3.768.215.000
- Quỹ Đầu Tư DN Hàng Đầu Việt nam (VF4)	736.971.000	-
- Công ty Cổ phần Mirae (KMR)	23.470.200	-
Đầu tư cổ phiếu OTC:	**9.739.844.110**	**9.739.844.110**
- Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	1.351.150.000	1.351.150.000
- Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	1.081.650.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa	729.500.000	729.500.000
- Công ty CP Xây dựng số 14 (CC14)	5.137.544.110	5.137.544.110
- Công ty CP XD CT GT 677	1.440.000.000	1.440.000.000
Tổng	**39.310.537.098**	**52.948.822.418**

5.8 Đầu tư dài hạn khác (Tiếp theo)

Chi tiết đầu tư dài hạn khác (góp vốn)

	Số cổ phiếu	Số tiền tại 31/12/1010 VND
Công ty CP ĐT KCN Dầu khí IDICO - Long Sơn	400.000	4.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	316.550	6.069.461.000
Tổng	-	**10.869.461.000**

Chi tiết đầu tư cổ phiếu niêm yết

	Số cổ phiếu	Số tiền tại 31/12/1010 VND
Công ty CP ĐT Xây dựng Bình Chánh (BCI)	187.863	13.109.107.429
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	4.920	169.156.859
Công ty CP PT Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex - IJC)	41.763	2.262.526.500
Quỹ Đầu Tư DN Hàng Đầu Việt nam (VF4)	90.000	736.971.000
Công ty Cổ phần Mirae (KMR)	2.000	23.470.200
Tổng	-	**16.301.231.988**

Chi tiết đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết

	Số cổ phiếu	Số tiền tại 31/12/2010 VND
Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	16.800	1.351.150.000
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	20.000	1.081.650.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa	14.100	729.500.000
Công ty CP Xây dựng số 14 (CC14)	95.910	5.137.544.110
Công ty CP XD CT GT 677	144.000	1.440.000.000
Tổng	-	**9.739.844.110**

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí coffa xây dựng và chi phí công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ hơn 12 tháng.

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	**448.868.438.355**	**400.681.787.933**
- Ngân hàng Công thương VN - CN3	287.505.597.019	160.611.518.575
- Ngân hàng Nông nghiệp & PT Nông thôn - CN3	69.279.718.674	53.800.269.358
- Ngân hàng Hong Kong - Thượng Hải (HSBC)	4.349.844.608	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	37.018.278.054	1.450.000.000
- Vay cá nhân	50.715.000.000	184.820.000.000
Tổng	**448.868.438.355**	**400.681.787.933**

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.842.850.609	18.348.279.088
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.345.273.443	12.288.513.598
Thuế thu nhập cá nhân	84.170.803	7.228.581
Các loại thuế khác	31.987.200	12.385.988
Tổng	**10.304.282.055**	**30.656.407.255**

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	3/16/2010 VND
Kinh phí công đoàn	3.066.021.964	3.435.108.774
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.906.025	155.210.698
Bảo hiểm thất nghiệp	4.442.952	4.046.960
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	53.452.871.211	63.648.762.412
Tổng	**56.525.242.152**	**67.243.128.844**

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác trình bày số phải trả các đội nội bộ trong quá trình quyết toán giá trị thực hiện các công trình.

5.13 Phải trả dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Người mua trả tiền trước dài hạn	**223.247.882.992**	**24.831.969.148**
- Chung cư Mỹ Phước - Phường 2 - Quận Bình Thạnh	235.148.637	23.813.178
- Chung cư An Lộc - Phường 17 - Quận Gò Vấp	219.835.000	100.480.000
- Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạr	40.144.235.814	22.637.515.970
- Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh (Phần KD)	103.043.868.541	-
- Chung cư Miếu Nổi - Lô S	93.320.000	93.320.000
- Chung cư Mỹ An - P. Hiệp Bình Chánh - Quận Tl	78.809.975.000	-
- Chung cư An Lạc - Quận Bình Tân	-	591.840.000
- Khu quy hoạch - Phường Hiệp Bình Chánh Quận Thủ Đức (Sông Đà)	700.000.000	500.000.000
- Khu quy hoạch - Phường Phước Long - Quận 9	1.500.000	885.000.000
Phải trả dài hạn khác	**35.665.184.818**	**34.154.955.824**
- Huy động vốn xây Cao ốc văn phòng Công ty	25.425.000.000	25.425.000.000
- Góp vốn Dự án An Phúc - Phường 16 - Quận 8	7.830.000.000	6.500.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.410.184.818	2.229.955.824
Tổng	**258.913.067.810**	**58.986.924.972**

5.14 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	**143.882.193.975**	**54.537.623.832**
- Ngân hàng Công thương VN - CN3 (*)	143.882.193.975	54.537.623.832
Tổng	**143.882.193.975**	**54.537.623.832**

(*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 09451214/HĐTD ngày 10/06/2009;
- Hạn mức tín dụng: 280.000.000.000 đồng
- Mục đích sử dụng: Đầu tư xây dựng Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh - Tp.Hồ Chí Minh
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh theo hợp đồng thế chấp số 09451214/HĐTC ngày 10/06/2009.
- Lãi suất vay: 10.5%/năm.
- Thời gian ân hạn: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian trả nợ: 36 tháng kể từ ngày hết thời gian ân hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (*)	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2009	**103.200.000.000**	**20.950.000.000**	**3.900.000.000**	(70.000)	-	**24.422.693.937**	**5.068.492.191**	**31.600.795.709**	**189.141.911.837**
Tăng trong năm	-	-	**31.789.499.612**		-	**7.476.821.847**	**1.745.309.399**	**36.864.928.364**	**77.876.559.222**
Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-		-	7.476.821.847	1.745.309.399	-	9.222.131.246
Lợi nhuận sau thuế	-	-			-	-	-	36.864.928.364	36.864.928.364
Tăng khác	-	-	31.789.499.612		-	-	-	-	31.789.499.612
Giảm trong năm	-	-	-		-	-	-	**31.616.664.731**	**31.616.664.731**
Trích quỹ	-	-			-	-	-	10.976.664.731	10.976.664.731
Chia cổ tức	-	-			-	-	-	20.640.000.000	20.640.000.000
Tại ngày 31/12/2009	**103.200.000.000**	**20.950.000.000**	**35.689.499.612**	**(70.000)**	**-**	**31.899.515.784**	**6.813.801.590**	**36.849.059.342**	**235.401.806.328**
Tại ngày 01/01/2010	**103.200.000.000**	**20.950.000.000**	**35.689.499.612**	**(70.000)**	**-**	**31.899.515.784**	**6.813.801.590**	**36.849.059.342**	**235.401.806.328**
Tăng trong năm	**10.320.000.000**	-	**29.700.000.000**	-	**5.858.099**	**12.423.263.514**	**1.836.728.051**	**41.662.269.819**	**95.948.119.483**
Tăng vốn	10.320.000.000	-	-		-	-	-	-	10.320.000.000
Tăng từ phân phối lợi nhuận					-	12.423.263.514	1.836.728.051	-	14.259.991.565
Lợi nhuận sau thuế	-	-			-	-	-	41.662.269.819	41.662.269.819
Tăng khác	-	-	29.700.000.000		5.858.099	-	-	-	29.705.858.099
Giảm trong năm	-	-	-	**1.640.000**	-	-	-	**36.878.975.255**	**36.880.615.255**
Trích quỹ	-	-			-	-	-	16.175.311.574	16.175.311.574
Chia cổ tức	-	-			-	-	-	20.640.000.000	20.640.000.000
Các khoản khác	-	-	-	1.640.000	-	-	-	63.663.681	65.303.681
Tại ngày 31/12/2010	**113.520.000.000**	**20.950.000.000**	**65.389.499.612**	**(1.710.000)**	**5.858.099**	**44.322.779.298**	**8.650.529.641**	**41.632.353.906**	**294.469.310.556**

(*) Công ty đã hạch toán phần tiền nhận vốn góp liên doanh của một công ty khác để cùng thực hiện dự án xây dựng và không thành lập pháp nhân mới vào mục Vốn khác của chủ sở hữu theo công văn số 12563/BTC-CĐKT của Bộ Tài chính ngày 18/09/2007 trả lời công văn số 1602/SGDCKHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn về cách hạch toán nhận vốn góp liên doanh.

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	15.940.320.000	14.491.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	97.579.680.000	88.708.800.000
Tổng	**113.520.000.000**	**103.200.000.000**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	103.200.000.000	103.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm	10.320.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	113.520.000.000	103.200.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	11.352.000	10 320.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	11.352.000	10.320.000
- Cổ phiếu thường	11.352.000	10.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	171	7
- Cổ phiếu thường	171	7
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.351.829	10.319.993
- Cổ phiếu thường	11.351.829	10.319.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Chi tiết vốn khác của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty TNHH Đầu tư SATO (*)	39.889.499.612	12.689.499.612
Công ty CP Đệ Tam (**)	25.500.000.000	23.000.000.000
Tổng	**65.389.499.612**	**35.689.499.612**

(*) Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư Sato ngày 17 tháng 3 năm 2008 dưới hình thức: Góp vốn đầu tư xây dựng dự án Chỉnh trang đô thị khu vực đầu cầu Thủ Thiêm, đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh; Tỷ lệ góp vốn Công ty 50% và Công ty TNHH Đầu tư Sato 50%; Việc hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân, phân chia lợi nhuận.

(**) Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phúc, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án này Công ty tham gia góp vốn 50% dự án với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư. Sau đó Công ty đồng ý để Công ty Cổ phần Đệ Tam cùng tham gia góp vốn trong phần vốn góp của Công ty với tỷ lệ vốn góp tương ứng 49%.

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	**102.365.017.167**	**127.649.491.962**
- Doanh thu kinh doanh nhà	101.955.735.349	124.045.501.646
- Doanh thu bán vật tư	409.281.818	3.603.990.316
Doanh thu cung cấp dịch vụ	**19.019.203.720**	**17.456.729.114**
- Doanh thu cho thuê thiết bị	3.829.159.415	3.608.758.852
- Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý chung cư	4.627.915.704	3.675.339.528
- Doanh thu cho thuê văn phòng + mặt bằng	10.562.128.601	10.172.630.734
Doanh thu hợp đồng xây dựng	**1.114.883.990.117**	**995.640.565.733**
Tổng	**1.236.268.211.004**	**1.140.746.786.809**

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	**78.803.808.732**	**120.686.272.761**
- Giá vốn kinh doanh nhà	78.370.916.982	117.175.281.272
- Giá vốn kinh doanh vật tư	432.891.750	3.510.991.489
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	**12.037.074.374**	**10.143.534.076**
- Giá vốn cho thuê thiết bị	3.355.829.471	3.345.795.781
- Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý chung cư	4.956.603.543	5.018.749.712
- Giá vốn cho thuê văn phòng + mặt bằng	3.724.641.360	1.778.988.583
Giá vốn xây lắp	**1.052.973.687.897**	**946.224.022.618**
Tổng	**1.143.814.571.003**	**1.077.053.829.455**

5.18 Doanh thu tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.336.566.684	2.140.396.291
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	7.733.500.000	496.067.798
Cổ tức, lợi nhuận được chia	672.489.333	1.769.731.000
Doanh thu tài chính khác	1.863.098.175	393.988.623
Tổng	**14.605.654.192**	**4.800.183.712**

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	36.215.002.447	6.157.986.305
Lỗ do chuyển nhượng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.311.947.940	2.784.991.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	532.873.849	3.106.172.889
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	116.869.889
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	5.098.455.582	(1.676.505.704)
Chi phí tài chính khác	10.062.771	4.565.677
Tổng	**43.168.342.589**	**10.494.080.712**

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.576.834.996	36.864.928.364
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.576.834.996	36.864.928.364
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.766.651	10.319.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**3.862**	**3.572**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Các công ty con

Thông tin bổ sung về các công ty con:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ Phần ĐT XD & XNK Mỹ Phước	1.045.799.410	892.470.854
	1.045.799.410	**892.470.854**

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ	Vốn góp theo Giấy phép VND	Vốn góp đến 31/12/2010 VND
Công ty Cổ Phần ĐT XD & XNK Mỹ Phước	18.000.000.000	30%	5.400.000.000	1.045.799.410
	18.000.000.000		**5.400.000.000**	**1.045.799.410**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần ĐT XD & XNK Mỹ Phước là: 18 tỷ đồng; Trong đó: tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 chiếm 30% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 đã góp 1.045.799.410 đồng, đạt tỷ lệ 19,37% so với vốn góp.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 nắm giữ ít hơn 50% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Mỹ Phước, nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán & Kế toán Hà Nội với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trần Quang Mỹ	**Phan Chí Hiếu**	**Hồ Hồng Nhân**
Tổng Giám đốc	**Người lập biểu**	**Kế toán trưởng**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011